

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 653/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 04 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Nhà máy chế biến thủy sản” tại Lô B14, Khu công nghiệp Suối Dầu, xã
Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ quyết định số 4003/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường; và Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 14 tháng 04 năm 2021 của UBND tỉnh về việc sắp xếp cơ cấu của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo tổng hợp ý kiến các cơ quan, tổ chức số 2025/STNMT-CCBVMT ngày 20 tháng 5 năm 2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến thủy sản” tại Lô B14, Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 51/CV-HV-KTH ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Công ty TNHH Hải Vương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ...70.../TTr-STNMT-CCBVMT ngày ...01... tháng...3... năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến thủy sản” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Hải Vương (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại lô B14, Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Phiếu xác nhận hồ sơ đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 1694/TNMT ngày 13 tháng 10 năm 2005 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa. /

Nơi nhận: (VBĐT)

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQL KKT Vân Phong;
- UBND huyện Cam Lâm;
- UBND xã Suối Tân;
- Chủ dự án;
- Lưu: VP+TL

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

(Kèm theo Quyết định số...653/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà máy chế biến thủy sản.

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô B14, KCN Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

1.3. Chủ dự án: Công ty TNHH Hải Vương

1.4. Địa chỉ: Lô B13, B14, KCN Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

1.5. Công suất của dự án: Chế biến hải sản đông lạnh (cá đông lạnh) công suất 15.000 tấn sản phẩm/năm.

1.6. Công nghệ sản xuất của dự án:

Công nghệ chế biến cá đông lạnh: Nguyên liệu → Nhập kho, bảo quản → Tiếp nhận nguyên liệu từ kho bảo quản (Rửa) → Cưa/bào → Lấy xương/ Lấy máu bằm/ Ra da/ Chính hình → Rửa, Lên hàng → Cấp đông → Bảo quản → Mạ bần, Cắt steak, Lò kim loại → Đóng gói → Bảo quản → Xuất khẩu.

1.7. Các hạng mục, công trình chính của dự án:

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
Các hạng mục công trình chính			
1	Nhà văn phòng	560	5,15
2	Nhà xưởng	3.072	28,27
2.1	Kho lạnh (3 kho lạnh)	300	2,76
2.2	Phòng đệm	224	2,06
2.3	Phòng Steak	219	2,01
2.4	Hầm đông 1	30	0,28

TT	Hạng mục	Diện tích (m²)	Tỉ lệ (%)
2.5	Hầm đông 2	30	0,28
2.6	Hầm đông 3	30	0,28
2.7	Hầm đông 4	36,96	0,34
2.8	Kho vật tư	69	0,63
2.9	Phòng máy	187,5	1,73
2.10	Hầm tiến đông	48	0,44
2.11	Phòng CO	225	2,08
2.12	Phòng chế biến đông	695,625	6,4
2.13	Khu vực bao gói hàng	309,4	2,85
2.14	Phòng rửa sọt	97	0,89
2.15	Phòng chế biến lườn	70,56	0,65
2.16	Phòng điều hành	29,7	0,27
2.17	Phòng bảo hộ lao động	90	0,83
2.18	Phòng ủng – yếm	32,89	0,3
2.19	Lối đi nội bộ, lối đi thoát hiểm trong nhà xưởng	Trong xưởng rộng từ 2-3m Ngoài xưởng từ 4-6m	-
Các hạng mục công trình phụ trợ			
1	Nhà xe	400	3,68
2	Nhà bảo vệ	20	0,18
3	Nhà ăn 1	169,4	1,56
4	Nhà vực bếp	43,12	0,39
5	Nhà vực y tế	31,08	0,29
6	Nhà vệ sinh	58,93	0,54
7	Trạm biến áp	16	0,15
8	Kho cơ điện	36	0,33
9	Kho hóa chất	18	0,17

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường			
1	Khu vực xử lý nước thải	200	1,84
2	Khu vực tập trung chất thải rắn sinh hoạt	16,5	0,15
3	Khu vực tập trung chất thải rắn công nghiệp	16,5	0,15
4	Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại	18	0,16
5	Diện tích cây xanh	2.187	20,13
6	Diện tích đường đi nội bộ, sân bãi	1.279,135	11,77
Tổng cộng		10.866,3	100

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Các tác động môi trường chính của dự án chủ yếu nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, bụi, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Quy mô, tính chất nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ quá trình sinh hoạt của công nhân trong giai đoạn vận hành khoảng 57 m³/ngày đêm và nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhân viên làm việc tại kho lạnh 7.000 tấn khoảng 1,5 m³/ngày.đêm. Thành phần nước thải gồm Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, Nitrat, Photphat, Coliform, Dầu mỡ và các tạp chất khác.

2.2.2. Quy mô, tính chất nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình chế biến thủy sản khoảng 230,74 m³/ngày.đêm và nước vệ sinh nền kho lạnh 7.000 tấn khoảng 2 m³/ngày.đêm. Thành phần của nước thải sản xuất chủ yếu là TSS, BOD, COD, Tổng N, Tổng P, vi sinh vật, dầu mỡ...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải làm tăng nồng độ bụi và khí thải trong không khí, gây nguy cơ ô nhiễm cục bộ tại các khu vực trung chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm, khu vực nhà để xe cán bộ công nhân viên.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện. Thành phần bao gồm: Bụi, CO, SO₂, NO_x.

- Khí thải từ quá trình sản xuất chế biến thủy sản. Thành phần bao gồm: Bụi, SO₂, NO_x, NH₃, H₂S.

- Mùi và khí ô nhiễm phát sinh từ trạm xử lý nước thải, khu vực lưu chứa chất thải gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh và sức khỏe công nhân làm việc.

2.4. Quy mô, tính chất chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn vận hành chính thức khoảng 300 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Túi nilon, chai lọ, thức ăn thừa...

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường 5.548 tấn/năm. Thành phần bao gồm: phế phẩm thủy sản, phế liệu từ quá trình đóng gói, sản xuất, bùn thải từ HTXLNT...

- Đối với tấm pin năng lượng mặt trời: sẽ được Nhà cung cấp thu gom và xử lý theo đúng quy định; trong trường hợp nhà sản xuất không thu hồi thì Chủ dự án sẽ liên hệ với các Công ty xử lý chất thải nguy hại để tiến hành thu gom, vận chuyển tấm pin đi xử lý.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1.506 kg/năm. Thành phần bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu nhớt, bao bì cứng thải...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

Công ty phát sinh 02 nguồn nước thải chính đó là nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Các nguồn nước thải được thu gom và xử lý cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải (HTXL) của nhà máy có công suất thiết kế 490 m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn đầu nổi của Khu công nghiệp

(KCN) trước khi đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của KCN Suối Dầu trên đường số 2.

- Nước thải sản xuất: Toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh từ dự án được thu gom theo mạng lưới cống thoát nước thải vào các hố ga thu gom nước thải dẫn về HTXL nước thải công suất thiết kế 490 m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn đầu nối của KCN trước khi đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của KCN Suối Dầu trên đường số 2.

Quy trình công nghệ của HTXL nước thải công suất thiết kế 490 m³/ngày: Nước thải → Hố bơm → Bể keo tụ điều chỉnh pH → Bể tạo bông → Bể tuyển nổi → Bể điều hòa → Bể MBBR → Bể hiếu khí → Bể lắng bùn sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Suối Dầu.

3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác chuyên dụng 120, 360 lít, sau đó tập trung vào khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt diện tích 5m², sau đó sẽ được phân loại và hợp đồng với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Suối Dầu thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với phế phẩm thủy sản:

+ Đối với phế phẩm thủy sản phát sinh từ hoạt động sản xuất như xương, nội tạng,.. được thu gom vào các bao bì và thùng đậy kín; và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu mua và tiêu hủy phế phẩm thủy sản.

+ Đối với tấm pin năng lượng mặt trời: sẽ được Nhà cung cấp thu gom và xử lý theo đúng quy định; trong trường hợp nhà sản xuất không thu hồi thì Chủ dự án sẽ liên hệ với các Công ty xử lý chất thải nguy hại để tiến hành thu gom, vận chuyển tấm pin đi xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại được thực hiện theo đúng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

4.1. Chương trình quản lý môi trường của dự án:

Nội dung cụ thể được trình bày tại Mục 5.1 Chương 5 báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

4.2. Chương trình giám sát môi trường của dự án:

4.2.1. Giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm

Đối với hệ thống xử lý nước thải:

➤ *Giai đoạn 1: Điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải*

- Vị trí giám sát: Mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của từng công đoạn xử lý
- Tần suất quan trắc: 15 ngày/lần trong 75 ngày đầu của thời gian vận hành thử nghiệm trạm xử lý nước thải.
- Các chỉ tiêu quan trắc: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform, Dầu mỡ ĐTV
- Quy định quan trắc và phân tích mẫu: Các mẫu được lấy, bảo quản và phân tích theo quy định QCVN và TCVN.
- Quy chuẩn đánh giá: QCVN 11-MT:2015/BTNMT, Cột B.

➤ *Giai đoạn 2: Giai đoạn vận hành ổn định*

- Vị trí giám sát: Mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của trạm xử lý nước thải.
- Tần suất quan trắc: 1 ngày/lần trong 07 ngày liên tiếp của thời gian vận hành thử nghiệm trạm xử lý nước thải (tối thiểu 01 mẫu nước thải đầu vào và 07 mẫu nước thải đầu ra).
- Các chỉ tiêu quan trắc: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform, Dầu mỡ ĐTV
- Quy định quan trắc và phân tích mẫu: Các mẫu được lấy, bảo quản và phân tích theo quy định QCVN và TCVN.
- Quy chuẩn đánh giá: QCVN 11-MT:2015/BTNMT, Cột B.

4.2.2. Giám sát giai đoạn vận hành thương mại

➤ *Giám sát chất lượng nước thải*

- Vị trí giám sát:
- + 01 vị trí tại hố ga thu gom nước thải trước xử lý

+ 01 vị trí tại hố ga đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Suối Dầu

- Các chỉ tiêu đánh giá gồm: Lưu lượng, pH, COD, tổng N, tổng P, Coliform.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần trong suốt quá trình hoạt động

- Tiêu chuẩn so sánh: theo Hợp đồng dịch vụ thoát nước thải số 28/2016/HĐDVNT-KCNSD ngày 04/01/2016 giữa Công ty TNHH Hải Vương và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Suối Dầu.

5. Các điều kiện khác liên quan đến môi trường:

- Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ dự án phải thực hiện nghiêm túc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường không khí, đất, nước khu vực dự án và các công trình lân cận. Thực hiện việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và hoạt động của các dự án xung quanh, khu dân cư Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo khẩn cho UBND huyện Cam Lâm, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh để được chỉ đạo và phối hợp xử lý; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý (UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Cam Lâm) trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo.

